



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7-8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty TNHH MTV Dược Enlie (công ty con) (gọi chung là “Tập đoàn”).

Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 ngày 29/12/2005 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 07/7/2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.000.000.000 VNĐ

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/06/2022: 60.000.000.000 VNĐ

Hội đồng Quản trị Công ty gồm:

Ông : Phan Thanh Long	Chủ tịch HĐQT
Ông : Phan Thanh Sơn	Thành viên
Ông : An Mạnh Hùng	Thành viên
Ông : Lê Minh Trí	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm:

Ông : An Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông : Lê Sỹ Tuấn	Giám đốc sản xuất
Ông : Võ Viết Hùng	Giám đốc chất lượng

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

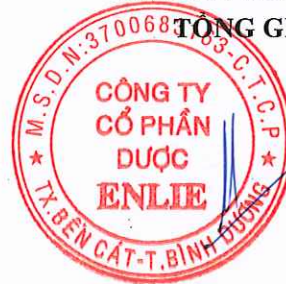
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2022

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



AN MẠNH HÙNG

Số: 546./BCSX/TC/2022/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Enlie**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Enlie, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 7 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Enlie chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn 6 tháng năm 2022 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính soát xét cùng kỳ tại ngày 30/06/2021 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 kết thúc tại ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tp. HCM, ngày .11... tháng ..8... năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



LÊ ĐÌNH ÁI

Giấy CNDKHNKT số 3770-2018-142-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2022

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.962.975.387	46.404.916.179
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.947.577.034	3.371.330.506
1 . Tiền	111		3.947.577.034	3.371.330.506
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.028.253.357	13.312.258.237
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	19.525.580.523	12.713.851.206
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.018.927.387	389.795.208
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.249.057.121	973.923.497
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(765.311.674)	(765.311.674)
IV . Hàng tồn kho	140	V.6	46.131.458.450	27.480.642.800
1 . Hàng tồn kho	141		46.131.458.450	27.516.155.285
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(35.512.485)
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		3.855.686.546	2.240.684.636
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	651.214.816	416.286.234
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.12	3.037.153.750	1.718.360.456
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	167.317.980	106.037.946
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.143.919.222	39.442.666.278
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		90.555.000	90.555.000
1 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	90.555.000	90.555.000
II . Tài sản cố định	220		38.531.345.369	33.749.548.496
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	38.531.345.369	33.749.548.496
- Nguyên giá	222		92.252.798.654	86.060.090.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.721.453.285)	(52.310.542.380)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		319.090.900	319.090.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(319.090.900)	(319.090.900)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI . Tài sản dài hạn khác	260		5.522.018.853	5.602.562.782
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	5.522.018.853	5.602.562.782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.106.894.609	85.847.582.457

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2022

MẪU B 01 – DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	100		79.184.364.143	44.220.870.900
I . Nợ ngắn hạn	310		74.299.673.259	41.293.334.687
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	23.903.380.599	8.976.225.008
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	3.948.090.938	1.670.611.782
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.497.995	25.647.628
4 . Phải trả người lao động	314		1.533.462.454	2.361.918.231
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315		20.000.000	162.792.080
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.362.072.334	3.642.388.956
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	41.136.466.488	24.046.791.746
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		393.702.451	406.959.256
II . Nợ dài hạn	330		4.884.690.884	2.927.536.213
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.13	228.511.043	363.617.043
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	4.656.179.841	2.563.919.170
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.922.530.466	41.626.711.557
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.15	41.922.530.466	41.626.711.557
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		24.103.060	24.103.060
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.101.572.594)	(18.397.391.503)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(18.420.134.698)	(14.093.388.116)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		318.562.104	(4.304.003.387)
4 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.106.894.609	85.847.582.457

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG NHUNG

Tổng Giám đốc

AN MẠNH HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/6/2022

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		48.009.761.801	30.453.971.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.158.543	108.204.663
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	48.001.603.258	30.345.767.256
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.472.845.819	27.534.092.407
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.528.757.439	2.811.674.849
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.374.071	35.015.568
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	912.434.279	395.549.892
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		912.434.279	348.425.792
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.047.217.433	2.042.330.597
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.285.231.980	4.503.721.876
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		285.247.818	(4.094.911.948)
11. Thu nhập khác	31		73.808.631	2.038.696.478
12. Chi phí khác	32		39.245.985	19.110
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	34.562.646	2.038.677.368
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		319.810.464	(2.056.234.580)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.248.360	324.619.089
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	31.299.116
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		318.562.104	(2.412.152.785)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	53	(402)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	53	(402)

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG NHUNG

Tổng Giám đốc

AN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/6/2022

MẪU B 03-DN**Đơn vị: VNĐ**

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	319.810.464	(2.056.234.580)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.485.910.905	1.168.355.831
- Các khoản dự phòng	03	(35.512.485)	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(16.374.071)	(2.029.723.887)
- Chi phí lãi vay	06	912.434.279	348.425.792
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.666.269.092	(2.569.176.844)
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(11.096.068.448)	(2.108.734.437)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(18.615.303.165)	(11.709.844.691)
- Tăng các khoản phải trả	11	15.982.438.035	2.331.859.436
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(154.384.653)	(588.821.191)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.052.726.359)	(348.425.792)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.699.680)	(198.441.732)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(36.000.000)	(10.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.341.475.178)	(15.202.085.251)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.267.707.778)	(2.807.885.684)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	15.000.000	2.463.723.457
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.374.071	3.185.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.251.333.707)	(340.976.259)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	40.228.088.623	20.060.466.272
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(21.046.153.210)	(7.046.796.254)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.880.000)	(1.410.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.169.055.413	13.012.260.018
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	576.246.528	(2.530.801.492)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.371.330.506	4.534.410.115
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	3.947.577.034	2.003.608.623

Người lập biểu

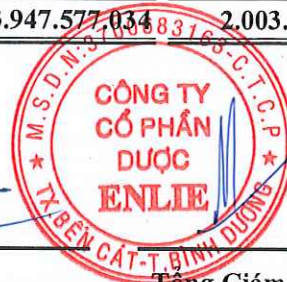
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

PHẠM HỒNG NHUNG

Tổng Giám đốc

AN MẠNH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2022

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Enlie (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 ngày 29/12/2005 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 07/7/2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trụ sở chính đặt tại Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, mua bán các loại dược phẩm, vật tư y tế; sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; kinh doanh bất động sản.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm; mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

4. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và công ty con là Công ty TNHH MTV Dược Enlie chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và được hợp nhất đầy đủ trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty TNHH MTV Dược Enlie có trụ sở chính tại số: 311, Tổ 88, KP6, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm. Tài ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022.

7. Tổng số nhân viên tại ngày 30/6/2022: 157 nhân viên (Ngày 01/01/2022: 179 nhân viên)

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2022, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Công ty áp dụng áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào công ty con được thành lập theo quy định của pháp luật phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu. Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá đích danh.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Tài sản cố định và khấu hao

8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

8.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhóm tài sản</i>	<i>Số năm trích khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 30 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định khác	05 – 08 năm
Phần mềm máy tính	03 – 08 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: tiền thuê đất và công cụ dụng cụ tại văn phòng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

Tiền thuê đất: Tiền thuê đất đã trả cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 35 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai). Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong năm: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

13. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 17,5% và 8% từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên, Công ty trích kinh phí công đoàn vào chi phí là 2% và 1% đoàn phí từ lương công nhân viên.

14. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Hội đồng Thành viên hàng năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

22. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
- Tiền mặt	66.316.312	459.369.592
+ VNĐ	66.316.312	459.369.592
- Tiền gửi ngân hàng	3.881.260.722	2.911.960.914
+ VNĐ	3.881.018.830	2.911.719.022
+ USD	241.892	241.892
Cộng	3.947.577.034	3.371.330.506

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
a. Phải thu ngắn hạn khách hàng	12.862.447.753	10.978.673.642
- Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Quận 10	1.312.102.344	2.623.911.820
- Công ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương	-	1.743.948.183
- Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Pharmacy	4.065.473.318	2.391.403.980
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	7.484.872.091	4.219.409.659
b. Phải thu từ bên liên quan	6.663.132.770	1.735.177.564
- Công ty CP Dược Đại Nam	6.663.132.770	1.735.177.564
Cộng	19.525.580.523	12.713.851.206

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.018.927.387	389.795.208
- Viện Kiểm nghiệm Thuốc Tp.HCM	464.000.000	10.000.000
- Công Ty TNHH MDP Sài Gòn	334.170.814	232.525.125
- Công ty TNHH Xây dựng Và Thương mại Tổng hợp Sông Châu	556.680.800	24.755.000
- Công ty CP Dược phẩm TV.Pharm	357.966.000	-
- Aurobindo Pharma Ltd	803.160.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	502.949.773	122.515.083
Cộng	3.018.927.387	389.795.208

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

4. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Phải thu khác ngắn hạn	1.249.057.121	-	973.923.497	-
- Tam ứng	1.247.568.661	-	963.923.497	-
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	488.460	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	1.000.000	-	10.000.000	-
b. Phải thu khác dài hạn	90.555.000	-	90.555.000	-
- Ký cược, ký quỹ	90.555.000	-	90.555.000	-
Cộng	1.339.612.121	-	1.064.478.497	-

5. DỰ PHÒNG/ NỢ XẤU**5.1 DỰ PHÒNG**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Quỹ Imexpharm	191.687.001	191.687.001	191.687.001	191.687.001
- Công ty CP Dược Phẩm An Đông	459.403.454	254.701.727	509.403.454	254.701.727
- Công ty TNHH Dược Phẩm - Trang Thiết Bị Y Tế Thịnh Phát	279.995.000	237.993.000	339.990.000	237.993.000
- Khách hàng khác	76.049.946	76.049.946	76.049.946	76.049.946
- Trả trước cho người bán	4.880.000	4.880.000	4.880.000	4.880.000
Cộng	1.012.015.401	765.311.674	1.122.010.401	765.311.674

5.2 NỢ XẤU

Đối tượng nợ	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Từ 3 năm trở lên	- Quỹ Imexpharm - Khách hàng khác	191.687.001 80.929.946	- -	191.687.001 80.929.946
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	- Công ty TNHH Dược Phẩm - Trang Thiết Bị Y Tế Thịnh Phát	279.995.000	-	339.990.000
- Từ 1 đến dưới 2 năm	- Công ty CP Dược Phẩm An Đông	459.403.454	-	509.403.454
Cộng		1.012.015.401	-	1.122.010.401

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Nguyên liệu, vật liệu	24.432.395.203	-	8.923.006.757	-
- Công cụ, dụng cụ	69.506.939	-	69.506.939	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.118.692.582	-	5.615.667.307	-
- Thành phẩm	965.159.928	-	322.537.708	-
- Hàng hoá	12.523.367.199	-	12.563.099.975	(35.512.485)
- Hàng gửi bán	22.336.599	-	22.336.599	-
Cộng	46.131.458.450	-	27.516.155.285	(35.512.485)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	651.214.816	416.286.234
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	534.993.246	383.734.900
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	116.221.570	32.551.334
b. Chi phí trả trước dài hạn	5.522.018.853	5.602.562.782
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	586.664.677	927.340.646
- Tiền thuê đất trả trước (*)	4.382.524.710	4.465.213.854
- Chi phí trả trước dài hạn khác	552.829.466	210.008.282
Cộng	6.173.233.669	6.018.849.016

(*) Là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số BA 163323 cấp ngày 10/08/2010 tại địa chỉ thửa đất số B-8-CN và B-7B-CN KCN Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Diện tích: 41.657 m². Thời hạn sử dụng đến tháng 01/2055.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2022	41.509.351.393	39.100.405.825	3.332.182.653	253.911.155	1.864.239.850	86.060.090.876
- Tăng trong kỳ	-	5.860.580.000	407.127.778	-	-	6.267.707.778
+ Mua trong kỳ	-	5.860.580.000	407.127.778	-	-	6.267.707.778
- Giảm trong kỳ	-	(75.000.000)	-	-	-	(75.000.000)
+ Thanh lý, nhượng bán	-	(75.000.000)	-	-	-	(75.000.000)
Tại ngày 30/06/2022	41.509.351.393	44.885.985.825	3.739.310.431	253.911.155	1.864.239.850	92.252.798.654

GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2022	16.523.208.426	32.500.826.564	1.899.391.538	253.911.155	1.133.204.697	52.310.542.380
- Tăng trong kỳ	745.488.816	605.154.056	107.849.413	-	27.418.620	1.485.910.905
- Khấu hao trong kỳ	745.488.816	605.154.056	107.849.413	-	27.418.620	1.485.910.905
- Giảm trong kỳ	-	(75.000.000)	-	-	-	(75.000.000)
- Giảm trong kỳ	-	(75.000.000)	-	-	-	(75.000.000)
Tại ngày 30/06/2022	17.268.697.242	33.030.980.620	2.007.240.951	253.911.155	1.160.623.317	53.721.453.285

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2022	24.986.142.967	6.599.579.261	1.432.791.115	-	731.035.153	33.749.548.496
Tại ngày 30/06/2022	24.240.654.151	11.855.005.205	1.732.069.480	-	703.616.533	38.531.345.369

* Giá trị còn lại của tài sản đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 33.039.697.063 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.959.446.619 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
NGUYÊN GIÁ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2022	319.090.900	319.090.900
Tại ngày 30/06/2022	319.090.900	319.090.900
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2022	319.090.900	319.090.900
Tại ngày 30/06/2022	319.090.900	319.090.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 30/06/2022	-	-

* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 319.090.900 VNĐ.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	23.580.171.687	23.580.171.687	7.882.329.516	7.882.329.516
- Công ty TNHH Suheung Việt Nam	1.409.037.000	1.409.037.000	847.875.000	847.875.000
- Công ty TNHH Bao Bì Tấn Thành	2.218.802.866	2.218.802.866	1.031.618.310	1.031.618.310
- Albios Lifesciences Private Limited	-	-	1.025.980.000	1.025.980.000
- Công Ty CP Dược Đồng Nai	2.838.927.000	2.838.927.000	-	-
- Công Ty TNHH MTV Dược Anpharma	2.672.750.000	2.672.750.000	-	-
- Aristopharma Ltd.	5.687.947.656	5.687.947.656	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	8.752.707.165	8.752.707.165	4.976.856.206	4.976.856.206
b. Phải trả cho bên liên quan	323.208.912	323.208.912	1.093.895.492	1.093.895.492
- Công ty CP Dược Đại Nam	323.208.912	323.208.912	971.832.992	971.832.992
- Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	-	-	122.062.500	122.062.500
Cộng	23.903.380.599	23.903.380.599	8.976.225.008	8.976.225.008

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.390.390.563	1.670.611.782
- Công ty TNHH Đại Bắc	-	737.031.943
- Bùi Thị Xuân Mai	580.290.659	-
- Công Ty CP Dược phẩm Liviat	408.450.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.401.649.904	933.579.839
b. Người mua trả tiền trước là bên liên quan	1.557.700.375	-
- Công ty CP Dược Đại Nam	1.557.700.375	-
Cộng	3.948.090.938	1.670.611.782

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Phải thu Nhà nước	Phải nộp Nhà nước	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	Phải thu Nhà nước	Phải nộp Nhà nước
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
- Thuế GTGT	1.718.360.456	-	3.746.210.912	5.065.004.206	3.037.153.750	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	696.935.877	696.935.877	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	26.163.000	26.163.000	-	-
- Thuế TNDN	95.882.576	-	26.248.360	35.699.680	105.333.896	-
- Thuế TNCN	10.155.370	25.647.628	166.321.688	241.300.035	61.984.084	2.497.995
- Lệ phí môn bài	-	-	64.000.000	64.000.000	-	-
Cộng	1.824.398.402	25.647.628	4.725.879.837	6.129.102.798	3.204.471.730	2.497.995

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau: Hoạt động bán dược phẩm : 5%; Hoạt động khác : 10%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc thanh tra thuế.

13. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
a. Phải trả khác ngắn hạn	3.362.072.334	3.642.388.956
- Kinh phí công đoàn	91.900.250	6.781.870
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	219.240
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	434.500.000	920.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.511.604.000	2.524.484.000
- Phải trả hoa hồng bán hàng	132.570.395	-
- Phải trả ngắn hạn khác	191.497.689	190.403.846
b. Phải trả khác dài hạn	228.511.043	363.617.043
- Phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động	226.511.043	363.617.043
- Phải trả dài hạn khác	2.000.000	-
Cộng	3.590.583.377	4.006.005.999

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	Giá trị VNĐ	Số có khả năng trả nợ VNĐ
a. Vay ngắn hạn						
- Phạm Hồng Nhung (1)	24.046.791.746	24.046.791.746	36.828.088.623	20.432.413.877	41.136.466.488	41.136.466.488
- Nguyễn Thị Nghĩa (1)	800.000.000	800.000.000	4.950.000.000	800.000.000	4.950.000.000	4.950.000.000
- Phan Thanh Long (1)	-	-	340.000.000	-	340.000.000	340.000.000
- NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- NH Thương mại Cổ phần Tiên Phong (3)	22.134.979.746	22.134.979.746	27.475.410.768	19.632.413.877	29.977.976.637	29.977.976.637
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	1.111.812.000	1.111.812.000	2.062.677.855	-	2.062.677.855	2.062.677.855
c. Vay dài hạn						
- NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam (4)	2.563.919.170	2.563.919.170	3.400.000.000	613.739.333	4.656.179.841	4.656.179.841
- NH Thương mại Cổ phần Tiên Phong (5)	3.675.731.170	3.675.731.170	3.120.000.000	607.906.000	6.187.825.170	6.187.825.170
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	280.000.000	5.833.333	274.166.667	274.166.667
	(1.111.812.000)	(1.111.812.000)			(1.805.811.996)	(1.805.811.996)
Cộng	26.610.710.916	26.610.710.916	40.228.088.623	21.046.153.210	45.792.646.329	45.792.646.329

*** Thuyết minh các khoản vay ngân hàng:**

(1) Các hợp đồng vay ngắn hạn cá nhân. Thời hạn vay từ 02 đến 12 tháng. Lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(2) Vay ngắn hạn NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/3936886/HHTD ngày 28/10/2021. Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 28/10/2022. Thời hạn vay quy định theo từng lần phát sinh nhưng không quá 12 tháng. Lãi suất vay quy định theo từng lần phát sinh. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là danh mục tài sản theo hợp đồng thế chấp số 02/2020/3936886/HĐBBĐ ngày 21/8/2020.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo hợp đồng số 190/2022/GNN/BDG ngày 28/04/2022. Thời hạn vay: 3 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay: 8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số :115/2022/HĐBBĐ/BDG ký ngày 28/04/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

(4) Vay dài hạn NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3936886/HĐTD ngày 12/8/2019; 02/2019/3936886/HĐTD ngày 23/9/2019; 01/2020/3936886/HĐTD ngày 21/09/2020; 01/2022/3936886/HĐTD ngày 11/5/2022. Tổng giá trị hợp đồng vay 8.659.100.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay quy định theo từng lần phát sinh từ 9,5%/năm đến 10,2% năm. Mục đích vay: Cho vay mua tài sản. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản theo các hợp đồng thế chấp số 01/2012/3936886/HĐTC; 01/2012/3936886/HĐTC; 01/2019/3936886/HĐĐĐ; 01/2020/3936886/HĐĐĐ; 02/2020/3936886/HĐĐĐ; 01/2022/3936886/HĐĐĐ.

(5) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 211/2022/HĐTD/BDG ngày 17/5/2022. Thời hạn vay: 4 năm. Mục đích vay: mua xe ô tô. Lãi suất vay: 8,6%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Huyndai hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**15.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn Điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn góp thực tế tại ngày 30/06/2022	
	VNĐ	%	VNĐ	%
- Công ty CP Dược Đại Nam	40.402.000.000	67,34%	40.402.000.000	67,34%
- Công ty CP Dược Hậu Giang	1.826.000.000	3,04%	1.826.000.000	3,04%
- Các cổ đông khác	17.772.000.000	29,62%	17.772.000.000	29,62%
Cộng	60.000.000.000	100,00%	60.000.000.000	100,00%

15.2 Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000

15.3 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2021	60.000.000.000	24.103.060	(14.086.676.180)	45.937.426.880
- Lỗi trong kỳ	-	-	(2.412.152.785)	(2.412.152.785)
- Trích quỹ	-	-	(7.933.616)	(7.933.616)
Tại ngày 30/06/2021	60.000.000.000	24.103.060	(16.506.762.581)	43.517.340.479
Tại ngày 01/01/2022	60.000.000.000	24.103.060	(18.397.391.503)	41.626.711.557
- Lãi trong kỳ	-	-	318.562.104	318.562.104
- Trích quỹ	-	-	(22.743.195)	(22.743.195)
Tại ngày 30/06/2022	60.000.000.000	24.103.060	(18.101.572.594)	41.922.530.466

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**16.1. Ngoại tệ các loại**

	30/06/2022	01/01/2022
Dollar Mỹ (USD)	10,60	23,80

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

16.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2022	01/01/2022	Nguyên nhân xóa sổ
	VNĐ	VNĐ	
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	1.353.900.744	1.353.900.744	Theo thỏa thuận xóa khoản hỗ trợ lãi vay của Tổng Công ty
- Công ty TNHH Dược phẩm Hưng Phúc	355.819.281	355.819.281	Không thu hồi được
- Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	540.040.712	540.040.712	Không thu hồi được
- Các khoản trả trước cho người bán	118.101.704	118.101.704	Không thu hồi được
- Các khoản phải thu khách hàng	1.200.275.023	1.200.275.023	Không thu hồi được
Cộng	3.568.137.464	3.568.137.464	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá	33.548.306.209	2.497.136.143
- Doanh thu bán thành phẩm	13.960.698.092	27.620.889.315
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	500.757.500	335.946.461
Cộng	48.009.761.801	30.453.971.919
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	5.203.663	24.763.743
- Hàng bán bị trả lại	441.600	74.368.920
- Giảm giá hàng bán	2.513.280	9.072.000
Cộng	8.158.543	108.204.663
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.001.603.258	30.345.767.256

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hàng hoá đã bán	28.277.246.890	2.260.011.865
- Giá vốn thành phẩm đã bán	4.281.502.046	19.799.146.160
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	227.409.600	148.414.378
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	6.686.687.283	5.326.520.004
Cộng	39.472.845.819	27.534.092.407

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.374.071	3.185.968
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	31.829.600
Cộng	1.374.071	35.015.568

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	912.434.279	348.425.792
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	47.124.100
Cộng	912.434.279	395.549.892

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	1.222.539.628	1.720.932.400
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	29.984.611	21.211.791
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.632.543	44.481.884
- Chi phí khuyến mãi, hoa hồng	436.134.590	-
- Chi phí bằng tiền khác	313.926.061	255.704.522
Cộng	2.047.217.433	2.042.330.597

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nhân viên quản lý	2.423.050.924	2.281.211.284
- Chi phí đồ dùng văn phòng	665.484.839	659.856.796
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.839.496	225.839.496
- Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	1.965.856.721	1.331.814.300
Cộng	5.285.231.980	4.503.721.876

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập khác		
Thu nhập khác		
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	15.000.000	2.026.537.919
- Thu nhập khác	58.808.631	12.158.559
Cộng	73.808.631	2.038.696.478
Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt	13.282.385	-
- Chi phí khác	25.963.600	19.110
Cộng	39.245.985	19.110
Lợi nhuận từ hoạt động khác	34.562.646	2.038.677.368

8. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	319.810.464	(2.056.234.580)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập không chịu thuế	(302.159.590)	-
Chi phí lãi vay không được trừ	134.563.439	-
Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế	94.245.985	-
Thu nhập chịu thuế	246.460.298	(2.056.234.580)
Chuyển lỗ	(46.090.359)	-
Thu nhập tính thuế	200.369.939	(2.056.234.580)
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	200.369.939	(3.294.001.603)
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	1.237.767.023
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Hoạt động kinh doanh chính	20%	20%
Hoạt động khác	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.248.360	324.619.089
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.248.360	77.065.684
- Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	247.553.405
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.248.360	324.619.089

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

9. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	318.562.104	(2.412.152.785)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm)	-	-
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	318.562.104	(2.412.152.785)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	(402)
Lãi suy giảm cổ phiếu	53	(402)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.045.196.801	24.756.723.976
- Chi phí nhân công	11.772.592.183	10.715.437.826
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.485.910.905	1.168.355.831
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.134.590	-
- Chi phí bằng tiền khác	4.311.104.084	3.497.677.238
Cộng	54.050.938.563	40.138.194.871

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

2. GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư phải thu/ (Phải trả)
- Công ty CP Dược Đại Nam	Công ty mẹ	Bán thành phẩm, hàng hóa Mua hàng hóa	12.888.419.632 101.551.335	5.105.432.395 (392.543.593)
- Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Bên liên quan	Mua hàng hóa	130.936.000	-
- Lê Sỹ Thành	P. Giám đốc	Tạm ứng		5.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ENLIE

Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, T. Bình Dương, Việt Nam

Bên liên quan	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- An Mạnh Hùng	Tổng GD	180.000.000	182.754.000
- Lê Sỹ Tuấn	GD sản xuất	271.800.000	271.800.000
- Nguyễn Hiền Phước	Giám đốc	254.000.000	284.472.234
- Võ Viết Hùng	GD chất lượng	37.363.636	-
Cộng		705.800.000	739.026.234

3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
	VND	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hoá	33.543.102.546	28.277.246.890	5.265.855.656
- Doanh thu bán thành phẩm	13.957.743.212	10.968.189.329	2.989.553.883
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	500.757.500	227.409.600	273.347.900
Cộng	48.001.603.258	39.472.845.819	8.528.757.439

4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Người lập biểu
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH
Bình Dương, ngày 10 tháng 08 năm 2022



Kế toán trưởng
PHẠM HỒNG NHUNG



Tổng Giám đốc
AN MẠNH HÙNG